

Bản án số: 09/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 29 - 9 - 2023
V/v ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẮK, TỈNH ĐẮK LẮK

- T phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Ngọc.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Chiu;
2. Ông Y Nốt Bkrông.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Bách - Thư ký Tòa án nhân dân huyện LẮK.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện LẮK tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2023 tại hội trường Tòa án nhân dân huyện LẮK xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 91/2023/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 6 năm 2023 về ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1972.

Địa chỉ: Buôn D, xã Y, huyện L, tỉnh ĐẮK LẮK. Có mặt.

2. Bị đơn: Ông Lê Viết T, sinh năm 1962.

Địa chỉ: Buôn D, xã Y, huyện L, tỉnh ĐẮK LẮK. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 12 tháng 6 năm 2023, trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị L trình bày:

Bà Nguyễn Thị L chung sống với ông Lê Viết T từ năm 1991 trên cơ sở tự nguyện, nhưng không đăng ký kết hôn, quá trình chung sống giữa ông, bà thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do tính cách không hợp nhau, vợ, chồng không tìm được tiếng nói chung, vợ chồng không đồng thuận làm ăn dẫn đến kinh tế gia đình khó khăn. Ông T nhiều lần đánh đập, chửi bới, xúc phạm bà L. Nay bà L thấy không còn tình cảm với ông T, nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà ly hôn với ông T.

Về con chung: Trong thời gian chung sống bà L và ông T có 03 con chung là Lê Viết Đ, sinh năm 1993; Lê Minh U, sinh năm 1995 và Lê Viết P, sinh năm 1998.

Hiện nay các con đều đã T niên, phát triển bình thường và có khả năng lao động để tự nuôi mình, nên vấn đề chăm sóc, nuôi dưỡng và cấp dưỡng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Bà L và ông T tự thỏa thuận phân chia, bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà L và ông T tự thỏa thuận phân chia, bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông Lê Viết T, nhưng ông T không đến Tòa án làm việc, vì vậy Tòa án không tiến hành lấy lời khai, kiểm tra giao nộp chứng cứ và hoà giải với ông T được.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và về việc giải quyết vụ án:

Về thẩm quyền giải quyết vụ án, quan hệ pháp luật tranh chấp, xác định tư cách tham gia tố tụng của đương sự, thông báo về việc thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, thời hạn chuẩn bị xét xử, quyết định đưa vụ án ra xét xử và tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án cho đương sự đúng quy định của pháp luật.

Nguyên đơn thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của đương sự.

Bị đơn không thực hiện các quyền và nghĩa vụ của đương sự.

Về việc giải quyết vụ án: Bà Nguyễn Thị L và ông Lê Viết T chung sống với nhau từ năm 1991, nhưng không đăng ký kết hôn, nay bà L yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông T, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Nguyễn Thị L và ông Lê Viết T.

Về con chung: Các con chung của bà L và ông T đều đã T niên, phát triển bình thường và có khả năng lao động để tự nuôi mình nên vấn đề chăm sóc, nuôi dưỡng không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà L và ông T tự thỏa thuận phân chia, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Nguyễn Thị L khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Lê Viết T. Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp là tranh chấp về ly hôn quy định tại khoản 1

Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn cư trú tại buôn D, xã Y, huyện Lắc, tỉnh Đắk Lắk, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Lắc thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[2] Về yêu cầu của đương sự: Bà Nguyễn Thị L và ông Lê Viết T tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1991, nhưng không đăng ký kết hôn nên không được pháp luật công nhận là quan hệ hôn nhân hợp pháp, quá trình chung sống giữa bà L và ông T phát sinh mâu thuẫn, bà L khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông T. Qua xác minh tại buôn D, xã Y, huyện Lắc, tỉnh Đắk Lắk nơi bà L và ông T cư trú, thể hiện vợ chồng bà L và ông T đã xảy ra mâu thuẫn từ lâu, ông T đánh đập, chửi bới, xúc phạm bà L nhiều lần, nên giữa bà L và ông T luôn căng thẳng.

Do bà L và ông T không đăng ký kết hôn, nên căn cứ vào Điều 14, Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà L và ông T.

Về con chung: Trong thời gian chung sống bà L và ông T có 03 con chung là Lê Viết Đạt, sinh năm 1993; Lê Minh Uyên, sinh năm 1995 và Lê Viết Phát, sinh năm 1998. Hiện nay các con đều đã T niên, phát triển bình thường và có khả năng lao động để tự nuôi mình, nên vấn đề chăm sóc, nuôi dưỡng và cấp dưỡng, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà L và ông T tự thoả thuận phân chia, bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[3] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án là phù hợp với quy định của pháp luật nên cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 14, Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L.

1. Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Nguyễn Thị L và ông Lê Viết T.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị L phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà L đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lắc theo biên lai thu tạm ứng án phí số: AA/2021/0021032 ngày 14/6/2023.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Lắc;
- CCTHADS huyện Lắc;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Nguyễn Văn Ngọc